TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và từ 26 đến 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2018/TLST-HNGĐ ngày 09-10-2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14-11-2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 128 đường H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh Cao Văn T, sinh năm 1986;

Nơi làm việc: Số 487 đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 29-8-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-9-2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Cao Văn T tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam vào ngày 29-6-2009. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thiếu trách nhiệm với gia đình, uống rượu bia, đánh bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, có những lời nói và hành động xúc phạm chị; mặc dù chị đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Hiện chị và anh T không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau; đến nay chị không thể bỏ qua mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có 02 (hai) con chung là cháu Cao Thị Mỹ T, sinh ngày 26-02-2010 và Cao Gia P, sinh ngày 25-5-2016; khi ly hôn chị yêu cầu được cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị làm việc tại WSpa ở thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng; thời gian làm việc trong giờ hành chính, có nhà ở cùng với bố mẹ tại phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên chị có đủ điều kiện, khả năng để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Văn T trình bày:*

Anh đồng ý với nội dung trình bày của chị Nguyễn Thị H về quá trình tìm hiểu, kết hôn, con chung của vợ chồng và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh và chị H xuất phát từ mâu thuẫn giữa anh với bố mẹ chị H. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dưỡng các con trưởng thành. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh thời gian 02 ngày để anh về xin lỗi bố mẹ chị H và chị H.

Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 01 con chung, cháu nào cũng được, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh có đủ điều kiện và khả năng nuôi con, cụ thể: Anh làm việc tại Công ty Đ, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng, ở nhà thuê gần Công ty. Nếu được nuôi con, anh sẽ đem con về quê ở Quảng Nam sống cùng ông bà nội, chuyển về Quảng Nam làm việc để có điều kiện chăm con. Trường hợp chị H nuôi hết cả 02 con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh T, giao cả 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng nên đề nghị ghi nhận. Chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam vào ngày 29-6-2009 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày thì quá trình chung sống, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình, uống rượu bia, đánh bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, có những lời nói và hành động xúc phạm chị; mặc dù chị đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không đến Tòa án để làm việc, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Năm 2015, chị H đã có đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng không những không giảm mà còn trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H, anh T không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh T có 02 (hai) con chung là cháu Cao Thị Mỹ T, sinh ngày 26-02-2010 và Cao Gia P, sinh ngày 25-5-2016, hiện các con đang sống với chị H. Cháu T có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu P

chưa đủ 36 tháng tuổi, để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu T và P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Văn T.

2. Giao 02 (hai) con chung tên là Cao Thị Mỹ T, sinh ngày 26-02-2010 và Cao Gia P, sinh ngày 25-5-2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng;

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Cao Văn T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11-2018 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh Cao Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000067 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Cao Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyệnH, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh